

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20 /2010/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2010 – 2011 đến
năm học 2014 – 2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày Tờ trình số 4916/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung thêm đối tượng Quy định về miễn, giảm học phí tại điều 4 và điều 5 của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ:

- Trẻ em đi nhà trẻ là đối tượng được miễn, giảm học phí như trẻ em đi học mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục công lập.

Điều 2. Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2010 - 2011 trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

Cấp học	Mức thu học phí mới năm học 2010-2011(Mức học phí/học sinh/tháng)	
	Vùng thành thị (phường thuộc TP, thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn (các xã còn lại)
1. Giáo dục mầm non:		
- Nhà trẻ.	60.000đ	40.000đ
- Mẫu giáo 1 buổi.	40.000đ	20.000đ
- Mẫu giáo 2 buổi.	50.000đ	30.000đ
- Mẫu giáo bán trú.	60.000đ	40.000đ
2. Giáo dục phổ thông:		
- Trung học cơ sở.	50.000đ	30.000đ
- Trung học phổ thông (kể cả HS Chuyên).	60.000đ	40.000đ
3. Giáo dục thường xuyên:		
- Cấp Trung học phổ thông.	80.000đ	

Từ năm học 2011 - 2012 trở đi, học phí sẽ được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

Điều 3. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế mục I Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 1997 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre “Về các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh - khóa V”.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

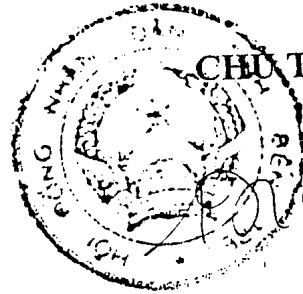
Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2010 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND QH;
- Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT TU;
- Đoàn Đại biểu QH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm công báo tỉnh (02 bản);
- Chánh, phó VP và phòng công tác HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



Huỳnh Văn Be